

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI
SỞ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ & MÔI TRƯỜNG

---oOo---

BÁO CÁO TỔNG KẾT

“ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG KINH TẾ XÃ HỘI CỦA
DỰ ÁN : XÂY DỰNG MÔ HÌNH PHÁT TRIỂN
NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN THEO HƯỚNG
CNHHĐH NHẪM NÂNG CAO HIỆU QUẢ KINH
TẾ HỆ THỐNG SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TẠI
HUYỆN XUÂN LỘC TỈNH ĐỒNG NAI”

(Thuộc Dự Án Xuân Lộc Đồng Nai)

TP. Hồ Chí Minh Tháng 11 / 2002

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI
SỞ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ & MÔI TRƯỜNG

---oOo---

BÁO CÁO TỔNG KẾT

**“ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG KINH TẾ XÃ HỘI CỦA
DỰ ÁN : XÂY DỰNG MÔ HÌNH PHÁT TRIỂN
NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN THEO HƯỚNG
CNHHĐH NHẪM NÂNG CAO HIỆU QUẢ KINH
TẾ HỆ THỐNG SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TẠI
HUYỆN XUÂN LỘC TỈNH ĐỒNG NAI”**

(Thuộc Dự Án Xuân Lộc Đồng Nai)

TP. Hồ Chí Minh Tháng 11 / 2002

MỤC LỤC

	Trang
<u>PHẦN I. PHẦN DẪN NHẬP</u>	1
1. Tên đề tài nhánh	1
2. Mã số	1
3. Số đăng ký	1
4. Chỉ số phân loại	1
5. Thời gian thực hiện	1
6. Cấp quản lý	1
7. Thuộc chương trình	1
8. Cơ quan chủ quản	1
9. Cơ quan chủ trì đề tài chính	1
10. Chủ trì đề tài chính	2
11. Cán bộ thực hiện đề tài nhánh thuộc Khoa Kinh Tế, Trường Đại Học Nông Lâm Thành Phố Hồ Chí Minh	2
12. Cơ quan phối hợp chính	2
13. Tình hình nghiên cứu ngoài nước	2
14. Tình hình nghiên cứu trong nước	3
15. Mục tiêu đề tài	3
16. Phương pháp luận nghiên cứu	4
17. Phương pháp thực hiện nghiên cứu	5
18. Nội dung & tiến độ nghiên cứu	6
<u>PHẦN II : CƠ SỞ LÝ LUẬN</u>	7
1. Khái niệm công nghiệp hóa & hiện đại hóa nông nghiệp ở nước ta	7
1.1- Mục tiêu công nghiệp hóa & hiện đại hóa nông nghiệp ở nước ta.	7
1.2- Các quan điểm về tiến trình công nghiệp hóa & hiện đại hóa nông nghiệp	7
2. Công nghiệp hóa - hiện đại hóa ở một số nước trong khu vực và thế giới	7
3. Thương mại hoá công nghệ sau thu hoạch hay phương pháp chuyển giao công nghệ để đạt hiệu quả tài chính & kinh tế tối ưu	11
3.1- Nghiên cứu thị trường	11
3.2- Đánh giá, lựa chọn và phù hợp hoá công nghệ	11

3.3-	Nghiên cứu khả thi	12
3.4-	Thực hiện việc sắp xếp , định chế tổ chức	12
3.5-	Chuyển giao và Quản lý Công nghệ	12
3.6-	Hoạt động Thương mại thí điểm	12
3.7-	Quy trình hoạch định công ty có cải thiện cho phù hợp thực tế	12

PHẦN III : TÌNH HÌNH CƠ BẢN 14

1.	Điều Kiện Tự Nhiên	14
1.1	Vị Trí Địa Lý	14
1.2	Khí Hậu Thời Tiết	14
1.3	Nguồn nước	15
1.4.	Địa Hình Thổ Nhưỡng	16
2.	Điều Kiện Kinh Tế – Xã Hội	17
2.1.	Dân Số Và Lao Động	17
2.2	Cơ Sở Hạ Tầng	18
3.	Phân Vùng Sử Dụng Tài Nguyên Đất	19
4.	Quan Điểm Sử Dụng Đất Ở Huyện Xuân Lộc .	21
5.	Định Hướng Sử Dụng Đất Của Các Ngành Ở Huyện Xuân Lộc Thời Kỳ 1998 –2010	22
5.1.	Ngành Nông, Lâm Nghiệp & Thủy Sản	22
5.2.	Ngành Công Nghiệp	27
5.3.	Định hướng phát triển ngành dịch vụ – du lịch	28
6.	Kinh tế trang trại ở Xuân Lộc	28
7.	Định hướng chung về phát triển kinh tế xã hội.	30

PHẦN IV : ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA VIỆC ỨNG DỤNG TIẾN BỘ KHOA HỌC KỸ THUẬT (CÔNG NGHỆ MỚI) ĐẾN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT CỦA CÁC NÔNG HỘ THUỘC VÙNG DỰ ÁN XUÂN LỘC – ĐỒNG NAI 33

1.	Đánh giá chung về hoạt động chuyển giao công nghệ (tiến bộ kỹ thuật) trên địa bàn nghiên cứu	33
1.1	Điều tra mẫu	33
1.2	Phân loại hộ	33
1.3	Cơ hội tiếp cận thông tin, tiến bộ mới của nông dân trên địa bàn nghiên cứu	34

2	Mô tả khái quát về nội dung của các chương trình nghiên cứu	35
2.1	Tổng quan về các chương trình chuyển giao	35
2.2	Nội dung của các chương trình	37
3.	Kết quả, hiệu quả của việc ứng dụng TBKT đối với các mô hình sản xuất	62
3.1	Mô hình cây Nhãn	62
3.2	Mô hình cây Sầu Riêng	64
3.3	Mô hình Mía	66
3.4	Mô hình cây Điều	68
3.5	Mô hình cây Tiêu	70
3.6	Mô hình đậu xanh	71
3.7	Mô hình bắp	72
3.8	Mô hình Bò lai Sind	73
3.9	Mô hình chế biến nông sản	77
4	Ảnh hưởng nhân rộng của các mô hình đối với các hộ ngoài dự án	87
5.	Tác động của việc triển khai ứng dụng tiến bộ kỹ thuật đến nhận thức của người dân.	91
5.1	Vai trò và tầm quan trọng của TBKT đối với quá trình sản xuất của người dân	91
5.2	Khả năng nhân rộng của dự án	92

PHẦN V : KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ 97

1- Kết luận 97

- | | | |
|------|--|----|
| 1.1- | Dự án tổng thể đi đúng con đường công nghiệp hóa và hiện đại hóa kinh tế nông nghiệp | 97 |
| 1.2- | Thay đổi nhận thức của nông dân về công nghệ mới và hành vi sản xuất | 97 |
| 1.3- | Tạo được tiền đề để xây dựng các mô hình phát triển | 97 |
| 1.4- | Hiệu quả kinh tế của đề tài tổng thể cao hơn rất nhiều so với kinh phí nghiên cứu của đề tài | 98 |

2/- Kiến nghị 98

- | | | |
|------|---|-----|
| 2.1- | Kiến nghị các mô hình phát triển theo hướng công nghiệp hóa và hiện đại hóa cho kinh tế cấp huyện | 98 |
| 2.2- | Kiến nghị về chính sách | 109 |

Phụ Lục

Tài liệu tham khảo

PHẦN V :

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1/- KẾT LUẬN :

1.1- Dự án tổng thể đi đúng con đường công nghiệp hóa và hiện đại hóa kinh tế nông nghiệp :

Con đường CNH – HĐH gồm các bước :

- Xây dựng nền tảng công nghệ để phát triển bao gồm công nghệ giống cây, con, chế biến và bảo quản nông sản.
- Nâng cao trình độ công nghệ, mở rộng phạm vi đầu tư : về công nghệ trồng trọt và chăn nuôi sẽ đầu tư các dự án lớn, về công nghệ chế biến sẽ đầu tư công nghệ cao hơn sấy bảo quản, ví dụ về chế biến thực phẩm như: xoài sấy, nước dừa cô đặc,...
- Hoàn thiện các mô hình sản xuất và thương mại.
- Các ngành dịch vụ, công nghiệp và nông nghiệp hợp thành cơ cấu tổng thể, và đồng nhất.

1.2- Thay đổi nhận thức của nông dân về công nghệ mới và hành vi sản xuất :

- Nông dân hiểu rõ được tác dụng của công nghệ mới trong việc giải quyết bài toán đầu ra cho nông sản và hiệu quả của kinh tế nông nghiệp.
- Tỷ lệ đầu tư cho công nghệ mới ngày càng cao trong tổng đầu tư sản xuất của người nông dân.

1.3- Tạo được tiền đề để xây dựng các mô hình phát triển :

Các mô hình như : Mô hình hợp tác xã sản xuất và thương mại, mô hình nông thương kết hợp, mô hình công nông kết hợp, mô hình nông công thương kết hợp (trong phần đề xuất) chỉ có thể vận hành trên cơ sở kinh tế nông nghiệp đã có ứng dụng công nghệ cao. Vì ứng dụng công nghệ cao sẽ giúp phát triển năng lực sản xuất, tạo nhiều cơ hội mới hay giúp phát triển lực lượng sản xuất, đưa đến sự thúc đẩy phải cải thiện mối quan hệ sản xuất. Từ kết quả trên, Huyện phát triển

Vc
tie
hu

được 16 HTX từ số lượng 4 HTX trong toàn Huyện trên cơ sở tự nguyện. Đây là tiền đề cho tính cạnh tranh của sản xuất nông nghiệp.

Đặc biệt công nghệ mới kết hợp với sản xuất nông sản sạch, hạn chế hóa chất, và thuốc trừ sâu độc hại. Phương pháp phổ biến này bảo đảm tính phát triển bền vững của mô hình, theo khuynh hướng bảo vệ sức khoẻ người tiêu dùng và bảo vệ môi trường.

1.4- Hiệu quả kinh tế của đề tài tổng thể cao hơn rất nhiều so với kinh phí nghiên cứu của đề tài :

Hiệu quả kinh tế được lượng hóa qua tổng cộng tất cả hiệu quả của các mô hình: mô hình chế biến nông sản, mô hình trồng trọt, mô hình chăn nuôi.

Ngoài ra, phải còn kể đến hiệu quả tổng hợp được tạo ra bởi sự xuất hiện và phát triển nhân rộng của các mô hình

2/- KIẾN NGHỊ

2.1- Kiến nghị các mô hình phát triển theo hướng công nghiệp hóa và hiện đại hóa cho kinh tế cấp huyện :

- **Mô hình 1 : Mô hình tổng thể liên kết dọc về sản xuất & nghiên cứu thị trường:**
 - Các Viện nghiên cứu, các trường đại học nghiên cứu khoa học cơ bản và ứng dụng, ươm mầm các công nghệ mới. Các tổ chức này có nhiệm vụ liên kết với khu nông nghiệp công nghệ cao hoặc các tổ chức sản xuất để triển khai sản xuất thử nghiệm và hình thành phương pháp chuyển giao công nghệ.
 - Các khu nông nghiệp công nghệ cao sẽ liên kết với các viện và các trường đại học, là nơi có kinh phí cho nghiên cứu và ứng dụng, kiểm nghiệm điều kiện thực tế để chuyển giao cho các tổ chức sản xuất như: HTX trang trại nông hộ.
 - Các tổ chức sản xuất là nơi tiếp nhận và ứng dụng công nghệ mới trong điều kiện sản xuất thực tế. Nơi đây không chỉ thụ động nhận chuyển giao công nghệ mà còn chủ động đặt hàng nghiên cứu với các viện, các trường để giải quyết bài toán nảy sinh trong thực tế sản xuất

và kinh doanh. Nhờ thế các tổ chức sản xuất sẽ càng được nâng cao tính cạnh tranh trên thương trường quốc tế.

- DN chế biến nông sản sẽ là nơi đặt hàng và thu mua sản phẩm nông nghiệp ở các tổ chức sản xuất nông nghiệp. Đầu ra của họ sẽ là các thị trường trong và ngoài nước hoặc qua trung gian các doanh nghiệp chuyên phân phối tiêu thụ. Các DN này sẽ là hạt nhân hình thành mô hình công nông kết hợp.
 - DN chuyên doanh phân phối tiêu thụ, đây là các công ty XNK, công ty lương thực, siêu thị, các thành phố và các HTX tiêu thụ sẽ là nhà phân phối hàng hóa nông sản đã qua chế biến hoặc chưa chế biến đến tay người tiêu dùng ở trong và ngoài nước.
 - Thị trường trong và ngoài nước sẽ là nơi sau cùng để tiêu thụ nông sản. Thị trường còn phản hồi thông tin về thị hiếu tiêu dùng, lượng sản phẩm cần thiết cho các tác nhân như DN chuyên doanh, DN chế biến nông sản, các tổ chức sản xuất, các khu nông nghiệp công nghệ cao, các viện nghiên cứu, các trường đại học. Các đại học chuyên ngành kinh tế sẽ có nhiệm vụ nghiên cứu thị trường để thông tin cho các tác nhân khác và để định hướng cho nghiên cứu công nghệ mới. Có thể công nghệ mới được nghiên cứu mới có tính khả thi về mặt tài chính và kinh tế.
- **Mô hình 2 : Mô hình liên kết tổng hợp : liên kết ngang & liên kết dọc**
 - Đây là mô hình có đầy đủ tính chất liên kết dọc của mô hình 1. Ngoài ra mô hình này còn có các liên kết ngang để phối hợp sức mạnh tổng thể của các thành phần kinh tế trong đất nước.
 - Gồm có các tổ chức xúc tiến thương mại sẽ là cầu nối kích thích cho thị trường và các DN, các tổ chức sản xuất, các khu nông nghiệp công nghệ cao, các viện nghiên cứu và các trường đại học. Các tổ chức này sẽ hoạt động theo ngân sách Nhà nước và ngân sách đóng góp của tổ chức khác khi hoạt động xúc tiến có hiệu quả.
 - Các tổ chức tài chính tín dụng như ngân hàng các quỹ tín dụng quỹ đầu tư sẽ là trung gian lưu thông tiền tệ và vốn để thỏa mãn nhu cầu tài chính của các doanh nghiệp một cách kịp thời và hiệu quả.

- Các DN chuyên doanh tồn trữ, có thể là các công ty tồn trữ nông sản của Nhà nước là nhiệm vụ điều hòa cung cầu cho thị trường giúp thị trường ổn định và tăng hiệu quả cho các tổ chức sản xuất.
- Các DN chuyên doanh vật tư nông nghiệp sẽ cung cấp đầu vào cho sản xuất một cách kịp thời và kinh tế.
- Các tổ chức vận tải thủy bộ đóng vai trò vận chuyển nông sản một cách kịp thời và kinh tế từ nhà sản xuất đến người tiêu dùng.
- Mô hình 3 : Mô hình ^(liên kết) hợp tác xã sản xuất , dịch vụ – tiêu thụ nông sản
 Ở Xuân Lộc đã có điều kiện hình thành mô hình dạng này như ở HTX kiểu mới ấp 4 xã Xuân Hưng, HTX nuôi cá ở Bảo Hòa, HTX nuôi bò ở Xuân Tâm.
- Các HTX hoặc các trang trại lớn sẽ là hạt nhân trung tâm trong mô hình này vì mục đích mô hình là tối ưu hóa hiệu quả của sản xuất nông nghiệp, tối ưu hóa bài toán đầu ra cho nông sản.
- Các nông hộ, các trang trại trong quá trình sản xuất nông sản nếu đơn lẻ tư mình giải quyết đầu ra thì sẽ bị thua thiệt vì qui mô nhỏ và không có khả năng mặc cả với tư thương. Họ sẽ tự nguyện thành lập tổ sản xuất rồi thành HTX để tối ưu hóa chi phí cho đầu vào như : phân bón, tối ưu hóa các khâu dịch vụ như : bơm nước, thu hoạch, chế biến tồn trữ nông sản mà nông hộ đơn lẻ không thể đầu tư một cách hiệu quả được. Họ sẽ liên kết trong khâu tiêu thụ nông sản, ký hợp đồng tiêu thụ trực tiếp với các công ty mà không qua tư thương. Họ còn có thể điều hòa lượng đầu ra tùy theo giá cả thị trường vì họ có thể tồn trữ nông sản và được trợ giúp về vốn.
- Các tổ chức tín dụng ngân hàng sẽ cung cấp vốn cho nông dân thông qua tổ chức đại diện là HTX nên rất dễ giao dịch và tránh rủi ro cho ngân hàng.
- Các Công ty chế biến nông sản rất dễ hình thành mô hình công nông kết hợp, cung cấp vốn vật tư cho hợp tác xã và thu lại nông sản.

- Các trung tâm chuyển giao công nghệ, tư vấn đầu tư, các trại giống sẽ phối hợp với khu nông nghiệp công nghệ cao để chuyển giao công nghệ mới cho HTX, có thể theo đơn đặt hàng của chính HTX.
 - Các trường đại học, các viện nghiên cứu sẽ nắm bắt nhu cầu thực tế để định hướng nghiên cứu, tìm ra công nghệ mới cho thực tế sản xuất ở các HTX.
 - Các công ty chế biến hàng xuất khẩu, các đại lý thu mua hàng xuất khẩu sẽ thu mua nông sản từ HTX để đưa ra thị trường trong và ngoài nước.
- **Mô hình 4 : Mô hình nông - thương kết hợp**
 - Các trang trại qui mô lớn có nông hộ vệ tinh, các HTX sẽ là hạt nhân trong mô hình này. Họ sẽ cung cấp nông sản cho các siêu thị, các công ty thương mại.
 - Các siêu thị công ty thương mại là nơi cuối cùng tiếp xúc với thị trường, nắm bắt thông tin thị trường để đặt hàng nông sản cho các trang trại qui mô lớn, các HTX.
 - Các trung tâm chuyển giao công nghệ, tư vấn đầu tư, các trại giống, các khu nông nghiệp công nghệ cao là nơi chuyển giao công nghệ cho các trang trại và các HTX.
 - Các trường đại học, các viện nghiên cứu sẽ là nơi đầu tư chất xám cho các công nghệ mới.

Thực tế ở huyện Xuân Lộc đã có mô hình này với trang trại của anh Thành ở xã Xuân Hòa đang chủ động sản xuất nông sản sạch theo đơn đặt hàng của siêu thị ở TP.HCM.

- **Mô hình 5 : Mô hình công - nông kết hợp**

Thực tế ở Tỉnh Đồng Nai đã có mô hình nhà máy đường La Ngà liên kết với vùng nguyên liệu mía, Công ty bông liên kết với vùng trồng bông. Tương tự ở Đồng bằng Sông Cửu Long có mô hình nhà máy bột mì xuất khẩu ở Huyện Tri Tôn, Tỉnh An Giang với vùng nguyên liệu trồng mì hơn 1000ha.

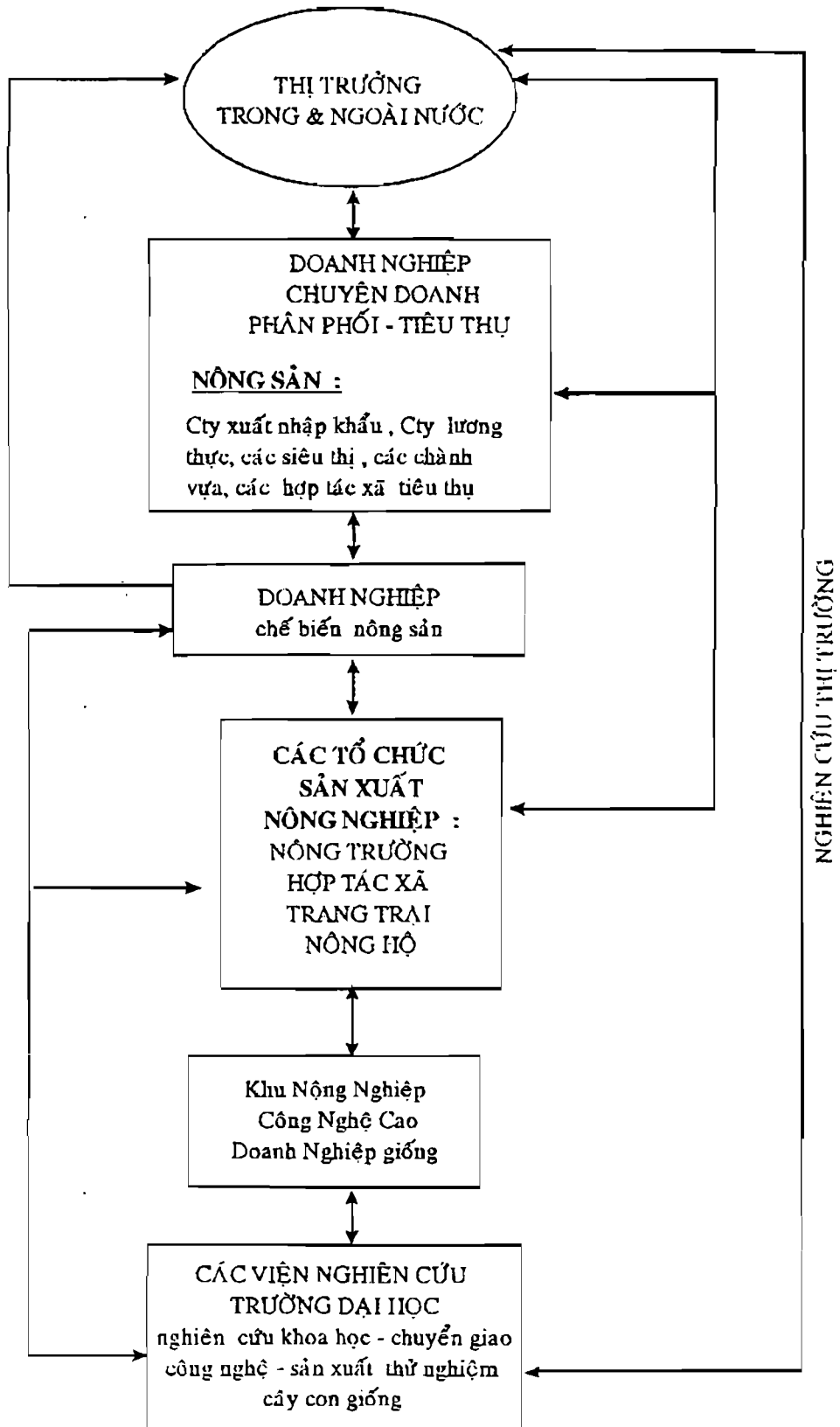
- Nhà máy chế biến nông sản và vùng nguyên liệu là hạt nhân trong mô hình này. Công nông kết hợp qua hợp đồng kinh tế, nhà máy cung cấp công nghệ, giống, vật tư cho các nông hộ và trang trại trong vùng nguyên liệu và nhận lại nông sản thông qua các hợp đồng bao tiêu sản phẩm, giá sàn đầu ra. Ngược lại nông dân cũng giúp nhà máy ổn định nguồn đầu vào và không tự tiện bán nông sản cho tư thương.
- Các trường đại học, các viện nghiên cứu liên kết với khu nông nghiệp công nghệ cao để cung cấp công nghệ mới cho nhà máy chế biến, có thể làm theo đơn đặt hàng.
- **Mô hình 6 : Mô hình nông – công – thương kết hợp**

Đây là dạng mô hình hoàn chỉnh kết hợp giữa các công ty XNK, các công ty phân phối hàng với các nhà máy chế biến hàng xuất khẩu và với các nông hộ hoặc trang trại. Đây là mô hình hoàn chỉnh chủ động từ khâu thương mại đến mô hình công nông kết hợp.

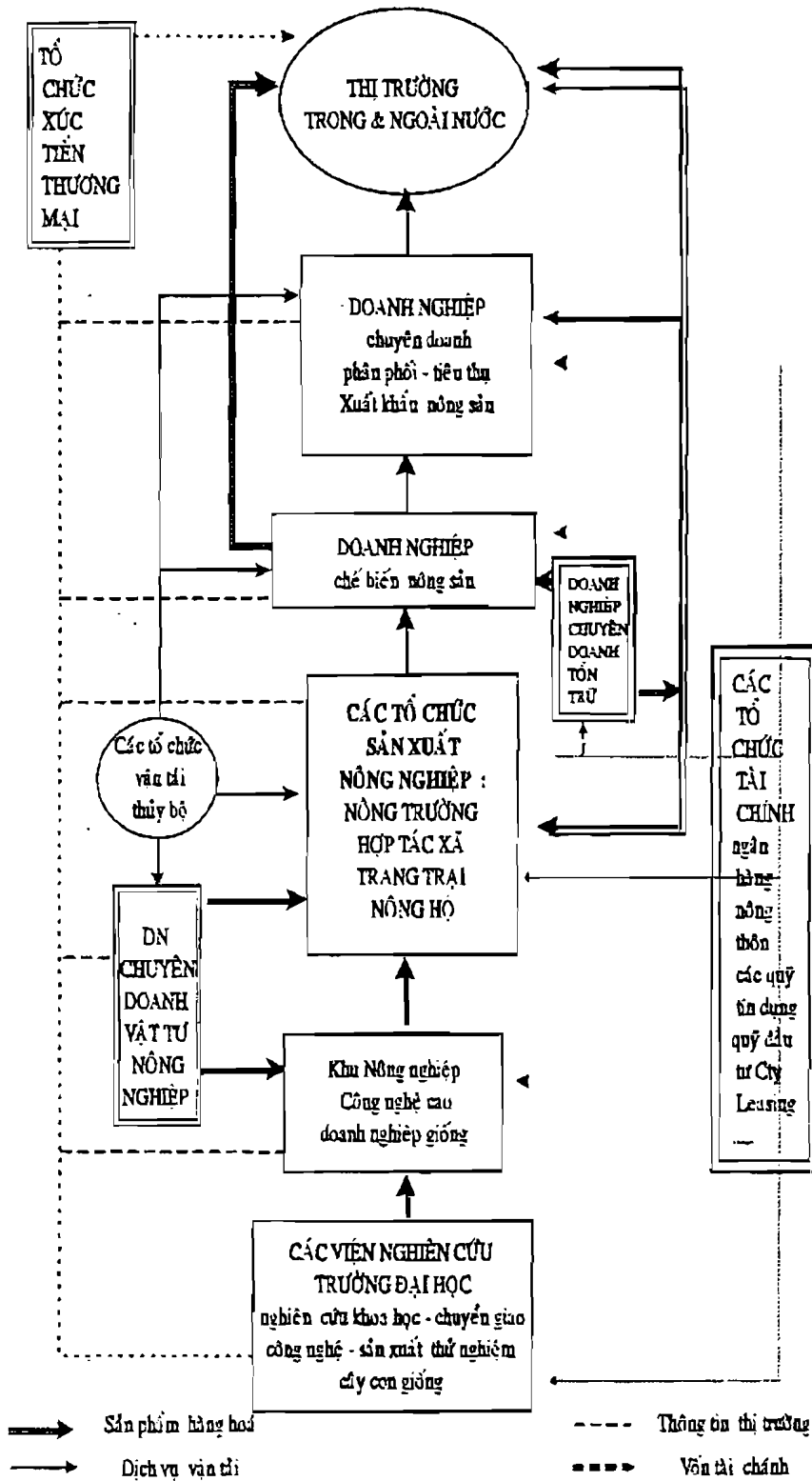
- Các Công ty thương mại sẽ chủ động đầu tư nhà máy chế biến hàng nông sản.
- Các nhà máy chế biến hàng nông sản sẽ ký hợp đồng với các nông hộ và trang trại trong vùng nguyên liệu đã hình thành. Mô hình này giúp ổn định cơ cấu cây trồng vật nuôi cho các vùng nông thôn.
- Các trường đại học, các viện nghiên cứu và khu nông nghiệp công nghệ cao đóng vai trò cung cấp, chuyển giao công nghệ cho liên minh công nông trên.

Trên thực tế ở Đồng Bằng Sông Cửu Long đã có mô hình nông công thương kết hợp đó là một Công ty XNK của Đài Loan đã chủ động đầu tư nhà máy “Chế biến đông lạnh rau quả xuất khẩu Tỉnh An Giang”. Công ty này ký hợp đồng với nông dân cung cấp nguồn nguyên liệu đầu vào cho nhà máy là các loại rau quả. Nhà máy sẽ hướng dẫn kỹ thuật trồng, cung cấp giống, vật tư cho nông dân trong vùng nguyên liệu. Hiện nay vùng nguyên liệu này đã đạt khoản 500 – 600 ha.

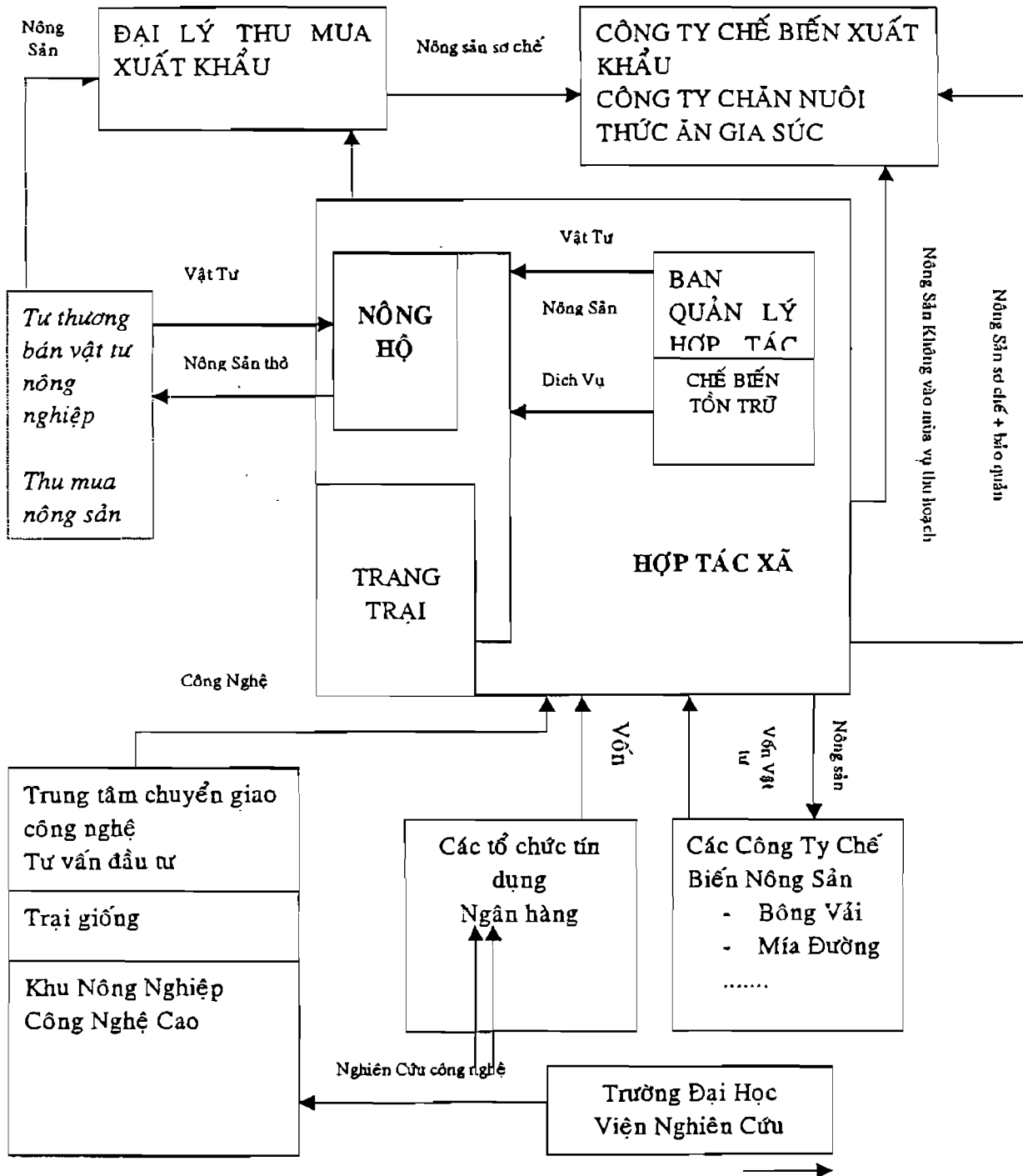
MÔ HÌNH LIÊN KẾT DỌC VỀ SẢN XUẤT & NGHIÊN CỨU THỊ TRƯỜNG



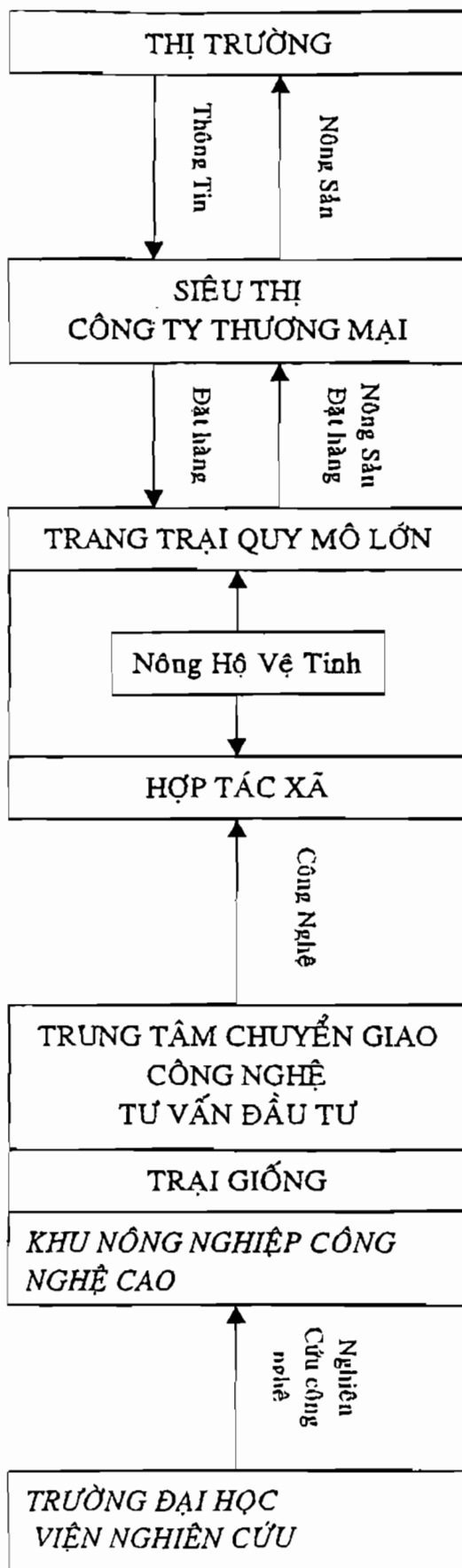
MÔ HÌNH LIÊN KẾT TỔNG HỢP : LIÊN KẾT NGANG & LIÊN KẾT DỌC



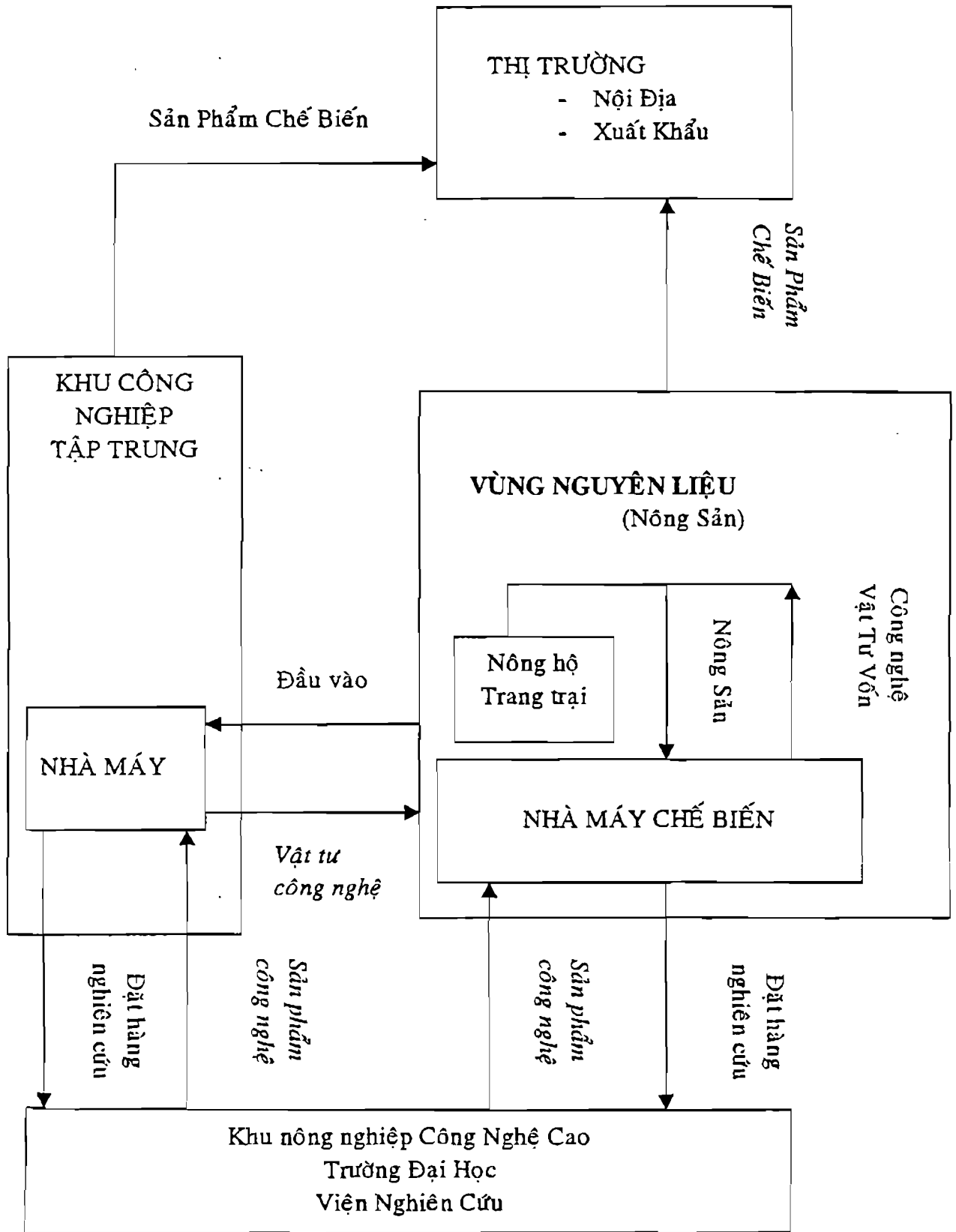
MÔ HÌNH HỢP TÁC XÃ SẢN XUẤT, DỊCH VỤ - TIÊU THỤ NÔNG SẢN
 Mô hình hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới áp 4, xã Xuân Hưng (Sấy và xay xát lúa)



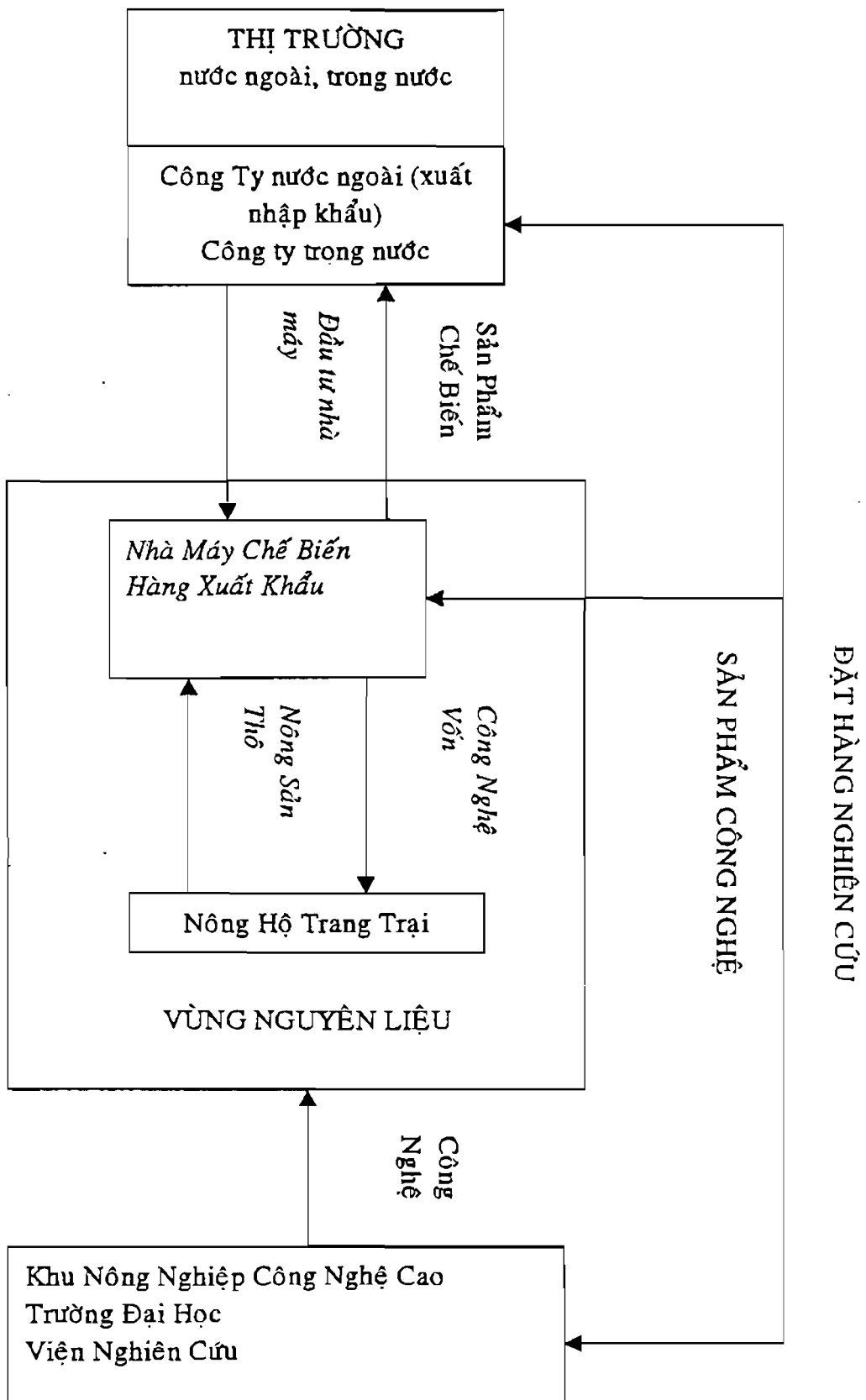
MÔ HÌNH NÔNG - THƯƠNG KẾT HỢP



MÔ HÌNH CÔNG - NÔNG KẾT HỢP



MÔ HÌNH NÔNG - CÔNG - THƯƠNG KẾT HỢP



2.2 – Kiến nghị về chính sách

1. Cải tiến, thuận lợi hóa thủ tục vay vốn cho nông dân. Vì theo điều tra đã mô tả ở phần trước thì mối quan tâm hàng đầu của nông dân là vốn cho sản xuất. Nếu nông dân vay vốn ở ngân hàng được nhanh chóng để dàng thì sẽ không bị bắt buộc phải đi vay ở hệ thống tín dụng phi chính thức với lãi suất cao, gây lỗ lả trong khâu sản xuất của người nông dân vì chi phí tài chính quá cao.
2. Thông tin giá cả thị trường nông sản cho nông dân. Vì giá cả nông sản là mối quan tâm thứ hai của nông dân, trên cả tầm quan trọng của công nghệ mới nông dân có kinh nghiệm lỗ lả trong sản xuất là vì giá nông sản hạ bất ngờ. Truy cập thông tin từ các trang web của các trường đại học.
3. Định hướng sản xuất nông nghiệp theo “Nền nông nghiệp sạch” : không lạm dụng hóa chất, thuốc trừ sâu, không lạm dụng phương pháp biến đổi gen. Đề tài có nghiên cứu dự đoán giá cả nông sản trên thị trường thế giới có khuynh hướng bình ổn hoặc hạ. Khuynh hướng tiêu dùng của khách hàng trên thế giới là các sản phẩm từ nền nông nghiệp sạch để đảm bảo sức khỏe. Người tiêu dùng sẵn sàng trả giá cao cho sản phẩm có lợi cho sức khỏe về sau. Thế nên định hướng nông nghiệp trong tương lai không nên chạy theo số lượng mà phải nhắm vào chất lượng thì mới có tính cạnh tranh trên thị trường thế giới.
4. Nhanh chóng thiết lập trạm chuyển giao công nghệ với địa điểm gần UBND Huyện, Phòng Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn quản lý. Giai đoạn đầu không cần đầu tư nhiều vốn mà tập trung vào các tài liệu, các sản phẩm mẫu về công nghệ mới từ các trường đại học, các viện nghiên cứu. Trạm này giống như là một thư viện về công nghệ mới. Nơi đây người nông dân có thể học hỏi, ứng dụng công nghệ và yêu cầu tư vấn, nhất là tư vấn đầu tư.
5. Nhanh chóng đề xuất Sở Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn chú ý cấp kinh phí nghiên cứu cho nông trường Thọ Vực và HTX Dịch vụ Sông Ray và trao quyền quản lý trực tiếp cho UBND Huyện Xuân Lộc. Định

hướng phát triển 2 trung tâm trên thành trạm nông nghiệp công nghệ cao cho Huyện.

6. Chú trọng khâu marketing địa phương. Hiện nay đề tài đang phối hợp với UBND Huyện xin phép thành lập và thiết kế trang web cho Huyện. Thông qua trang web, Huyện sẽ giới thiệu địa phương mình trong phạm vi rộng để xúc tiến đầu tư, xúc tiến tiêu thụ nông sản và xúc tiến dịch vụ du lịch.
7. Đa dạng hóa nông sản, ngoài sản xuất nông sản thực phẩm, Huyện nên định hướng thêm sản xuất thêm nông sản dược thảo như cây lô hội, cây gió bầu tạo ra trầm hương. Đồng thời cũng chú ý đến dược tính trong nông sản thực phẩm như tìm hợp đồng bán mú trái đu đủ để điều chế ra chất papayin.